

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 34/2020/DS-ST

Ngày 25-11-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng  
giao khoán.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Nghịch

2. Bà Trần Thị Mỹ Nhung

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hải Lý, chức vụ: Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 581/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020, số 678/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020, số 680/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định nhập vụ án số 04/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng giao khoán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐS-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020, giữa:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Võ Đức T, sinh năm 1974. - Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Võ Trọng S, sinh năm 1967. - Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

3. Bà Ngô Thị O, sinh năm 1982. - Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T).

Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Đỗ Hoàng P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T: Ông Phạm Đình B, sinh năm 1957. - Có mặt.*

*Địa chỉ: 65 Trần Nhật D, phường Tân L, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk (Theo văn bản ủy quyền số 296/GUQ ngày 03/8/2020; số 412, 414/GUQ ngày 10 tháng 8 năm 2020).*

*2. Ông Đoàn Đình H, chức vụ: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần cà phê T. Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. - Có mặt.*

*(Theo văn bản ủy quyền số 19/2020/GUQ-CTCP ngày 05 tháng 11 năm 2020).*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đức T, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, ông Võ Đức T trình bày:*

Vào ngày 25/8/2011, tôi có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên gửi Công ty TNHH MTV cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) để nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 1979 của Công ty có diện tích 11.955m<sup>2</sup>. Trên cơ sở đơn của tôi thì vào ngày 27/8/2011, giữa tôi và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 127/2011/HĐ-GK với nhau.

Theo hợp đồng số 127/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 thì: Tôi đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 11.955m<sup>2</sup>, diện tích bờ lô 1.736m<sup>2</sup>. Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 15/1, thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 địa chỉ thửa đất: thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 44.933.793đồng; Giá trị vườn cây còn lại: 26.476.793đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 04 năm sau đó gia hạn đến năm 2019, tính từ ngày ký kết hợp đồng. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, tôi đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì tôi phát hiện Công ty có sự gian lận. Cụ thể:

Tôi phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha của tôi trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 86.954.753,2 đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận của tôi là 12.422.107,6đồng/năm); Công ty đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 3.038kg cà phê quả tươi, giá tiền: 8.000đồng/kg, thành tiền là 24.304.000đồng (bình quân một năm là 434kg, giá tiền 8.000đồng/kg, thành tiền là 3.472.000đồng/năm); Công ty đã gian lận tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương của tôi cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) là 5.100.000đồng (bình quân một năm là 255.000đồng/ha/năm). Do đó, tôi đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết:

“1. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2đồng;

2. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000đồng;

3. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho tôi số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) là 5.100.000đồng.

Tổng cộng là: 116.358.753,2đồng (*Một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Theo hợp đồng thì diện tích tôi nhận khoán với Công ty là 1,1955ha nhưng đơn khởi kiện tôi yêu cầu tính diện tích 01ha. Việc khởi kiện là tính tròn số. Đối với diện tích dôi dư 0,1955ha thì tôi không khởi kiện nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998 đến năm 2010 và năm 2018) với số tiền là 3.315.000đồng (*Ba triệu, ba trăm mười lăm nghìn đồng*). Tôi không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số tiền này và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền này nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, tôi rút nội dung yêu cầu khởi kiện về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là: 86.954.753,2đồng; Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là: 24.304.000đồng. Tổng số tiền của cả hai yêu cầu không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho tôi và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết là 111.258.753,2đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện là 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Đối với số tiền còn lại 1.785.000đồng (*Một triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) là tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho tôi. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

*\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trọng S, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Võ Trọng S trình bày:*

Vào ngày 25/8/2011, tôi có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên gửi Công ty TNHH MTV cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) để nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối trồng năm 2000 của Công ty có diện tích 10.900m<sup>2</sup>. Trên cơ sở đơn của tôi thì vào ngày 27/8/2011, giữa tôi và Công ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 432/2011/HĐ-GK với nhau.

Theo hợp đồng số 432/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 thì: Tôi đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 10.900m<sup>2</sup>, diện tích bờ lô 1.583m<sup>2</sup>. Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 17/2, thửa đất số 70, tờ bản đồ số 11 địa chỉ thửa đất: thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 24.627.511đồng; Giá trị vườn cây còn lại: 17.378.907đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 15 năm, tính từ ngày ký kết hợp đồng. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, tôi đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì tôi phát hiện Công ty có sự gian lận. Cụ thể:

Tôi phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha của tôi trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 86.954.753,2đồng (Bình quân một năm Công ty

gian lận của tôi là 12.422.107,6đồng/năm); Công ty đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 3.038kg cà phê quả tươi, giá tiền: 8.000đồng/kg, thành tiền là 24.304.000đồng (bình quân một năm là 434kg, giá tiền 8.000đồng/kg, thành tiền là 3.472.000đồng/năm); Công ty đã gian lận tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương của tôi cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) là 5.100.000đồng (bình quân một năm là 255.000đồng/ha/năm). Do đó, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

“1. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2đồng;

2. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000đồng;

3. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho tôi số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) là 5.100.000 đồng.

Tổng cộng: Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho tôi số tiền là 116.358.753,2 đồng (*Một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Theo hợp đồng thì diện tích tôi nhận khoán với Công ty là 1,09ha nhưng đơn khởi kiện tôi yêu cầu tính diện tích 01 ha. Việc khởi kiện là tính tròn số. Đối với diện tích dôi dư 0,09ha thì tôi không khởi kiện nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998 đến năm 2010 và năm 2018) với số tiền là 3.315.000 đồng (*Ba triệu, ba trăm mười lăm nghìn đồng*). Tôi không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số tiền này và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền này nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, tôi rút nội dung yêu cầu khởi kiện về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là: 86.954.753,2đồng; Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là: 24.304.000đồng. Tổng số tiền của cả hai yêu cầu không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho tôi và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết là 111.258.753,2đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện là 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Đối với số tiền còn lại 1.785.000đồng (*Một triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) là tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho tôi. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

\* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị O, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Ngô Thị O trình bày:

Vào ngày 25/8/2011, tôi có đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên gửi Công ty TNHH MTV cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) để nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Với trồng năm 1977 của Công ty có diện tích 16.860m<sup>2</sup>. Trên cơ sở đơn của tôi thì vào ngày 27/8/2011, giữa tôi và Công

ty đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 515/2011/HĐ-GK với nhau.

Theo hợp đồng số 515/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 thì: Tôi đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 16.860m<sup>2</sup>, diện tích bờ lô 2.448m<sup>2</sup>. Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 17/3, thửa đất số 73+75, tờ bản đồ số 04 địa chỉ thửa đất: thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 56.910.192đồng. Giá trị vườn cây còn lại: 33.486.850đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 04 năm, tính từ ngày ký kết hợp đồng, sau đó gia hạn thêm 5 năm đến năm 2019. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, tôi đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì tôi phát hiện Công ty có sự gian lận. Cụ thể:

Tôi phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công cho diện tích 01ha của tôi trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 86.954.753,2đồng (Bình quân một năm Công ty gian lận của tôi là 12.422.107,6đồng/năm); Công ty đã gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là 3.038kg cà phê quả tươi, giá tiền: 8.000đồng/kg, thành tiền là 24.304.000đồng (bình quân một năm là 434kg, giá tiền 8.000đồng/kg, thành tiền là 3.472.000đồng/năm); Công ty đã gian lận tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương của tôi cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) là 5.100.000đồng (bình quân một năm là 255.000đồng/ha/năm). Do đó, tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

“1. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2đồng;

2. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000đồng;

3. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho tôi số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) là 5.100.000đồng.

Tổng cộng là: 116.358.753,2đồng (*Một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Tuy nhiên, sau khi xem xét lại hợp đồng giữa tôi với Công ty thì thấy diện tích tôi nhận khoán với Công ty là 1,686ha nhưng đơn khởi kiện tôi yêu cầu tính diện tích 01ha. Việc khởi kiện là tính tròn số. Đối với diện tích dôi dư 0,686ha (tương ứng với 6.860m<sup>2</sup>) thì tôi không khởi kiện nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998 đến năm 2010 và năm 2018) với số tiền là 3.315.000 đồng (*Ba triệu, ba trăm mười lăm nghìn đồng*). Tôi không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số tiền này và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền này nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, tôi rút nội dung yêu cầu khởi kiện về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là: 86.954.753,2đồng; Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của tôi cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là: 24.304.000đồng. Tổng số tiền

của cả hai yêu cầu không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho tôi và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết là 111.258.753,2đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện là 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Đối với số tiền còn lại 1.785.000đồng (*Một triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) là tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho tôi. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

*\* Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T), ông Phạm Đình B trình bày:*

Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T) thừa nhận là giữa Công ty với ông Võ Đức T, ông Võ Trọng S và bà Ngô Thị O có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên với nhau. Cụ thể:

- *Đối với ông Võ Đức T:* Vào ngày 27/8/2011 giữa ông Võ Đức T và Công ty TNHH MTV cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 127/2011/HĐ-GK với nhau.

Theo hợp đồng số 127/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 thì nội dung giao khoán được nêu tại Điều 1 của hợp đồng đó là: “1. Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê”. Cụ thể: ông Võ Đức T đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 11.955m<sup>2</sup>, diện tích bờ lô 1.736m<sup>2</sup>. Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 15/1, thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14 địa chỉ thửa đất: thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 44.933.793đồng; Giá trị vườn cây còn lại: 26.476.793đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 04 năm sau đó gia hạn đến năm 2019, tính từ ngày ký kết hợp đồng. Hiện nay ông T đã hết thời hạn hợp đồng với Công ty nhưng ông không đến Công ty để gia hạn hoặc thanh lý hợp đồng, đồng thời ông đang chiếm dụng vườn cây bất hợp pháp vườn cây của Công ty. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, ông Võ Đức T đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty.

Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 và 2019-2020 ông T đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong Hợp đồng. Việc làm của ông T là vi phạm hợp đồng đã ký kết với Công ty. Tuy nhiên, Công ty chưa khởi kiện ông T về việc Buộc ông Võ Đức T phải trả sản lượng và một số khoản nợ khác. Nay ông Võ Đức T khởi kiện Công ty với nội dung yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

“1. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của ông cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2đồng;

2. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của ông cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000đồng;

3. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) là 5.100.000đồng.

Tổng cộng là: 116.358.753,2đồng (*Một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm tám nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Làm việc tại Tòa án, ông T thừa nhận diện tích ông nhận khoán với Công ty là 1,1955ha nhưng đơn khởi kiện ông yêu cầu tính diện tích 01ha. Việc khởi kiện là tính tròn số. Đối với diện tích dôi dư 0,1955ha thì ông không khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, ông Võ Đức T xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với cả 03 yêu cầu với tổng số tiền mà ông không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại và không yêu cầu Tòa án giải quyết là 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Đối với số tiền còn lại 1.785.000đồng (*Một triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) là tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) thì ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông.

- *Đối với nguyên đơn ông Võ Trọng S:* Vào ngày 27/8/2011, giữa ông Võ Trọng S với Công ty TNHH MTV cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 432/2011/HĐ-GK với nhau.

Theo hợp đồng số 432/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 thì nội dung giao khoán được nêu tại Điều 1 của hợp đồng đó là: “1. Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê”. Cụ thể: ông Võ Trọng S đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 10.900m<sup>2</sup>, diện tích bờ lô 1.583m<sup>2</sup>. Địa điểm đất giao khoán thuộc đội 17/2, thửa đất số 70, tờ bản đồ số 11 địa chỉ thửa đất: thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 24.627.511đồng; Giá trị vườn cây còn lại: 17.378.907đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 15 năm, tính từ ngày ký kết hợp đồng. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, ông Võ Trọng S đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty.

Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 và 2019-2020, ông S đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong Hợp đồng. Việc làm của ông S là vi phạm hợp đồng đã ký kết với Công ty. Tuy nhiên, Công ty chưa khởi kiện ông S về việc Buộc ông Võ Trọng S phải trả sản lượng và một số khoản nợ khác. Nay ông Võ Trọng S khởi kiện Công ty với nội dung yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

“1. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của ông cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2đồng;

2. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của ông cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000đồng;

3. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) là 5.100.000đồng.

Tổng cộng là: 116.358.753,2đồng (*Một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm tám nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*”).

Làm việc tại Tòa án, ông S thừa nhận diện tích ông nhận khoán với Công ty là 1,09ha nhưng đơn khởi kiện ông yêu cầu tính diện tích 01ha. Việc khởi kiện là tính tròn số. Đối với diện tích dôi dư 0,09ha thì ông không khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, ông Võ Trọng S xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với cả 03 yêu cầu với tổng số tiền mà ông không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại và không yêu cầu Tòa án giải quyết là 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Đối với số tiền còn lại 1.785.000đồng (*Một triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) là tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) thì ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông.

- *Đối với nguyên đơn bà Ngô Thị O*: Vào ngày 27/8/2011, giữa bà Ngô Thị O với Công ty TNHH MTV cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) đã ký Hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên số 515/2011/HĐ-GK với nhau.

Theo hợp đồng số 515/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 thì nội dung giao khoán được nêu tại Điều 1 của hợp đồng đó là: “1. Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê”. Cụ thể: bà Ngô Thị O đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 16.860m<sup>2</sup>, diện tích bờ lô 2.448m<sup>2</sup>. Địa điểm đất giao khoán thuộc 17/3, thửa đất số 73+75, tờ bản đồ số 4 địa chỉ thửa đất: thuộc xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 56.910.192đồng. Giá trị vườn cây còn lại: 33.486.850đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 04 năm, tính từ ngày ký kết hợp đồng, sau đó gia hạn thêm 5 năm đến năm 2019. Hiện nay bà Ngô Thị O đã hết thời hạn hợp đồng nhưng không đến Công ty để gia hạn hoặc thanh lý hợp đồng, đồng thời đang chiếm dụng bất hợp pháp vườn cây của Công ty. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2018-2019, bà Ngô Thị O đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty.

Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2019-2020, bà O đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong Hợp đồng. Việc làm của bà O là vi phạm hợp đồng đã ký kết với Công ty. Tuy nhiên, Công ty chưa khởi kiện bà O về việc Buộc bà Ngô Thị O phải trả sản lượng và một số khoản nợ khác. Nay bà Ngô Thị O khởi kiện Công ty với nội dung yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

“1. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của bà cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 86.954.753,2đồng;



2. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của bà cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ 2011-2017) là: 24.304.000đồng;

3. Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho bà số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998-2018) là 5.100.000đồng.

Tổng cộng là: 116.358.753,2đồng (*Một trăm mười sáu triệu, ba trăm năm tám nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Làm việc tại Tòa án, bà O thừa nhận diện tích bà nhận khoán với Công ty là 1,686ha nhưng đơn khởi kiện bà yêu cầu tính diện tích 01ha. Việc khởi kiện là tính tròn số. Đối với diện tích dôi dư 0,686ha thì bà không khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, bà Ngô Thị O xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với cả 03 yêu cầu với tổng số tiền mà bà không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại và không yêu cầu Tòa án giải quyết là 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Đối với số tiền còn lại 1.785.000đồng (*Một triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) là tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) thì bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho bà.

Với nội dung khởi kiện của ông Võ Đức T, ông Võ Trọng S, bà Ngô Thị O thì Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T) hoàn toàn không đồng ý. Lý do không đồng ý đối với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông T, ông S, bà O là vì: Giữa ông Võ Đức T, ông Võ Trọng S, bà Ngô Thị O và Công ty đã ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên với nhau là dựa trên Bộ luật dân sự, Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ, Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/11/2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk, Nghị quyết hội nghị đại biểu người lao động ngày 26/3/2010, Biên bản họp mở rộng tham gia góp ý kiến phương án khoán gọn vườn cà phê ngày 10 tháng 02 năm 2011 và từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty, Phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên mà nòng cốt của phương án là trên cơ sở kế thừa và có sửa đổi “Phương án Hợp đồng hợp tác đầu tư & phân chia sản phẩm” mà Công ty đã thực hiện từ năm 1998 đến năm 2010. Việc ký hợp đồng giữa ông T, ông S, bà O với Công ty là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối. Và trước khi ký hợp đồng thì có hội đồng xét duyệt đơn, sau đó Tổng giám đốc thay mặt Công ty ký hợp đồng với các ông bà theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, ông S, bà O đối với Công ty về việc “Buộc Công ty phải trả số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho các ông bà (từ năm 2011-2017)” thì thấy: Công đoạn tưới nước là một công đoạn chủ yếu của việc sản xuất kinh doanh cây cà phê. Do đó, về công lao động sống đã được tính vào chi phí sản xuất trên 01ha cà phê (phần 51% = 3.397.205đồng). Tại trang 9, 10 (Phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên đã được UBND tỉnh phê duyệt đã ghi rõ). Như vậy, nếu gia đình tưới nước từ kênh mương của Công ty thì phải trả lại tiền khấu hao kênh mương, thủy lợi cho Công ty phần 49% là 245.000đồng/ha/năm. Trong phần tính toán chi phí đầu tư

để khấu trừ sản phẩm, Công ty đã trả 255.000đồng/ha/năm (khấu hao kênh mương phần 51%) cho người nhận khoán. Trong các năm từ năm 2011 đến năm 2017 (tổng 07 năm) Công ty có thu sai tiền khấu hao kênh mương của ông T, ông S, bà O. Cụ thể:

- Theo hợp đồng số 127/2011/HĐ-KG ngày 27/8/2011 của ông Võ Đức T với Công ty thì: Ông T đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 11.955m<sup>2</sup> tương ứng với 1,1955ha. Từ năm 2011 đến năm 2017 (tổng 07 năm) Công ty có thu sai tiền khấu hao kênh mương của ông T với tổng số tiền là: 2.133.971đồng (bình quân mỗi năm Công ty thu của ông số tiền 304.853đồng phần 51% cho diện tích 1,1955ha/năm). Công ty đã tiến hành chi trả cho ông T vào ngày 06 tháng 5 năm 2019 thông qua đội trưởng đội sản xuất 15/1 nhưng ông chưa nhận và ông cũng không nêu rõ lý do vì sao chưa nhận. Việc Công ty chi trả số tiền trên cho ông T được thực hiện theo Thông báo số 72/TB-Cty ngày 24/4/2019 của Công ty TNHH MTV cà phê T + Công văn số 2832/UBND-KT ngày 11 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thanh toán lại khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập của Công ty TNHH MTV cà phê T + Tờ trình số 22/TTr-CTTNHH ngày 12/02/2019 của Công ty TNHH MTV cà phê T và theo phiếu chi đề ngày 06/5/2019. Và đến trước ngày Tòa án mở phiên tòa thì Công ty cũng đã chi trả lần hai cho ông theo phiếu chi đề ngày 04/11/2020 và thông báo số 714 ngày 07/11/2020 của Công ty nhưng ông vẫn không nhận. Nay ông yêu cầu Công ty trả tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) là 1.785.000đồng (bình quân mỗi năm là 255.000đồng/ha/năm) thì Công ty không đồng ý vì trả rồi mà ông T không chịu nhận. Đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

- Theo hợp đồng số 432/2011/HĐ-KG ngày 27/8/2011 của ông Võ Trọng S với Công ty thì: Ông S đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 10.900m<sup>2</sup> tương ứng với 1,09ha. Từ năm 2011 đến năm 2017 (tổng 07 năm) Công ty có thu sai tiền khấu hao kênh mương của ông S với tổng số tiền là: 1.945.650đồng (bình quân mỗi năm Công ty thu của ông số tiền 277.950đồng cho diện tích 1,09ha/năm). Công ty đã tiến hành chi trả cho ông S vào ngày 06 tháng 5 năm 2019 thông qua đội trưởng đội sản xuất 17/2 nhưng ông chưa nhận và ông cũng không nêu rõ lý do vì sao chưa nhận. Việc Công ty chi trả số tiền trên cho ông S được thực hiện theo Thông báo số 72/TB-Cty ngày 24/4/2019 của Công ty TNHH MTV cà phê T + Công văn số 2832/UBND-KT ngày 11 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thanh toán lại khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập của Công ty TNHH MTV cà phê T + Tờ trình số 22/TTr-CTTNHH ngày 12/02/2019 của Công ty TNHH MTV cà phê T và theo phiếu chi đề ngày 06/5/2019. Và đến trước ngày Tòa án mở phiên tòa thì Công ty cũng đã chi trả lần hai cho ông theo phiếu chi đề ngày 04/11/2020 và thông báo số 714 ngày 07/11/2020 của Công ty nhưng ông vẫn không nhận. Nay ông yêu cầu Công ty trả tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) là 1.785.000đồng (bình quân mỗi năm là 255.000đồng/ha/năm) thì Công ty không đồng ý vì trả rồi mà ông S không chịu nhận. Đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

- Theo hợp đồng số 515/2011/HĐ-KG ngày 27/8/2011 của bà Ngô Thị O với Công ty thì: Bà Ngô Thị O đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê Vối của Công ty có diện tích 16.860m<sup>2</sup> tương ứng với 1,686ha. Từ năm 2011 đến năm 2017 (tổng 07

năm) Công ty có thu sai tiền khấu hao kênh mương của bà O với tổng số tiền là: 3.006.010đồng (bình quân mỗi năm Công ty thu của bà số tiền 429.930đồng cho diện tích 1.686ha/năm). Công ty đã tiến hành chi trả cho bà vào ngày 06 tháng 5 năm 2019 thông qua đội trưởng đội sản xuất 17/3 nhưng bà chưa nhận và bà cũng không nêu rõ lý do vì sao chưa nhận. Việc Công ty chi trả số tiền trên cho bà O được thực hiện theo Thông báo số 72/TB-Cty ngày 24/4/2019 của Công ty TNHH MTV cà phê T + Công văn số 2832/UBND-KT ngày 11 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thanh toán lại khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập của Công ty TNHH MTV cà phê T + Tờ trình số 22/TTr-CTTNHH ngày 12/02/2019 của Công ty TNHH MTV cà phê T và theo phiếu chi đề ngày 06/5/2019. Và đến trước ngày Tòa án mở phiên tòa thì Công ty cũng đã chi trả lần hai cho bà theo phiếu chi đề ngày 04/11/2020 và thông báo số 714 ngày 07/11/2020 của Công ty nhưng bà vẫn không nhận. Nay bà yêu cầu Công ty trả tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) là 1.785.000đồng (bình quân mỗi năm là 255.000đồng/ha/năm) thì Công ty không đồng ý vì trả rồi mà bà không chịu nhận. Đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

*\* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T), ông Đoàn Đình H trình bày: Thống nhất như lời trình bày của ông Phạm Đình B nêu trên nên không trình bày gì thêm.*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cho các đương sự làm bản tự khai và tiến hành đối chất, công khai chứng cứ và hoà giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật và căn cứ Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử.

#### **Phản tranh luận tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn ông Võ Đức T tranh luận: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc “Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) là 1.785.000đồng”. Lý do giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã được nêu ở phần trình bày nên không tranh luận gì thêm.

- Nguyên đơn ông Võ Trọng S tranh luận: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc “Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) là 1.785.000đồng”. Lý do giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã được nêu ở phần trình bày nên không tranh luận gì thêm.

- Nguyên đơn bà Ngô Thị O tranh luận: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc “Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) là 1.785.000đồng”. Lý do giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã được nêu ở phần trình bày nên không tranh luận gì thêm.

- Ông Phạm Đình B là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH Một thành viên cà phê T) tranh luận: Không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức T, ông Võ Trọng S, bà Ngô Thị O. Đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn ông Võ Đức T, ông Võ Trọng S, bà Ngô Thị O. Lý do không đồng ý đã được nêu ở phần trình bày nên không tranh luận gì.

- Ông Đoàn Đình H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T tranh luận: Thống nhất như lời trình bày của ông Phạm Đình B nêu trên nên không tranh luận gì thêm.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003.

**1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đức T:**

**1.1** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đức T về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) với số tiền là 1.785.000đồng.

**1.2** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đức T về việc:

- Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của ông cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là: 86.954.753,2đồng;

- Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của ông cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là: 24.304.000đồng;

- Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998 đến năm 2010 và năm 2018) là 3.315.000đồng.

Tổng cộng là: 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

**2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trọng S:**

**2.1** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trọng S về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) với số tiền là 1.785.000đồng.

**1.2** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trọng S về việc:

- Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của ông cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là: 86.954.753,2đồng;

- Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của ông cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là: 24.304.000đồng;

- Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998 đến năm 2010 và năm 2018) là 3.315.000đồng.

Tổng cộng là: 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

### **3. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị O:**

**3.1** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị O về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho bà số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) với số tiền là 1.785.000đồng.

**3.2** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị O về việc:

- Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại chi phí đã gian lận trong tính toán chi phí nhân công của bà cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là: 86.954.753,2đồng;

- Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận của bà cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017) là: 24.304.000đồng;

- Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho bà số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 1998 đến năm 2010 và năm 2018) là 3.315.000đồng.

Tổng cộng là: 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đức T, ông Võ Trọng S và bà Ngô Thị O thì Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng giao khoán” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T) có địa chỉ tại xã H, huyện K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đức T, ông Võ Trọng S, bà Ngô Thị O đối với bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T). Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn và bị đơn cung cấp và được hai bên thừa nhận, thì thấy:

Vào ngày 27 tháng 8 năm 2011, giữa các hộ nông trường viên (hộ nhận khoán) là ông Võ Đức T, ông Võ Trọng S, bà Ngô Thị O với Công ty TNHH MTV cà phê T (Nay là Công ty Cổ phần cà phê T) có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với nhau, việc ký hợp đồng giữa các bên dựa trên đơn xin khoán gọn vườn cây cà phê của hộ nông trường viên. Cụ thể:

- Hộ nông trường viên ông Võ Đức T với Công ty TNHH MTV cà phê T có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 127/2011/HĐ-KG ngày 27/8/2011;
- Hộ nông trường viên ông Võ Trọng S với Công ty TNHH MTV cà phê T có ký kết hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê số 432/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011;
- Hộ nông trường viên bà Ngô Thị O với Công ty TNHH MTV cà phê T có ký kết hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê số 515/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011.

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018 đối với ông Võ Đức T, ông Võ Trọng S và niên vụ 2018-2019 đối với bà Ngô Thị O thì các ông bà đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty.

Qua xem xét các Hợp đồng trên thì thấy: Đây là hợp đồng song vụ có thời hạn, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức của hợp đồng hai bên đã ký kết không vi phạm pháp luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giao khoán, các hộ nhận khoán là ông Võ Đức T, ông Võ Trọng S, bà Ngô Thị O đều đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng quy định của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký kết với Công ty kể từ ngày ký ngày 27/8/2011 cho đến hết niên vụ cà phê 2017-2018 đối với ông T, ông S và niên vụ 2018-2019 đối với bà O thì các bên không có tranh chấp gì. Và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có ký Hợp đồng song vụ này. Do đó xác định đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Tại Điều 501 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:* “Hợp đồng thuê khoán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho thuê khoán giao tài sản cho bên thuê để khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức thu được từ tài sản đó và có nghĩa vụ trả tiền thuê.

*Tại Điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:* “Thời hạn thuê khoán do các bên thỏa thuận theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh phù hợp với tính chất của đối tượng thuê khoán”.

*Tại Điều 7 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định:* “Căn cứ hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh và trình độ quản lý của mình, bên giao khoán được lựa chọn hình thức giao khoán thích hợp với khả năng của bên nhận khoán: 1. Khoán ổn định theo chu kỳ cây trồng hoặc chu kỳ kinh doanh.”.

*Tại Điều 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định:* “Việc giao khoán đất trồng cây lâu năm được gắn với việc điều hành sản xuất của bên giao khoán và được thực hiện như sau:

1. Giao khoán đất đã có cây lâu năm: bên giao khoán căn cứ vào định mức kinh tế, kỹ thuật và thực trạng của vườn cây để tiến hành hợp đồng giao khoán đất gắn với giao khoán vườn cây ổn định theo chu kỳ cây trồng, với nội dung chính sau:

- a) Diện tích đất giao khoán gắn với vườn cây;
- b) Nhiệm vụ sản xuất, giá trị còn lại của vườn cây và thời gian sản xuất còn lại của vườn cây trên diện tích khoán;
- c) Tổng chi phí sản xuất trên một ha cho cả chu kỳ kinh doanh;
- d) Khối lượng sản phẩm sản xuất tính trên một ha cho cả chu kỳ kinh doanh;

....”

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức T, ông Võ Trọng S, bà Ngô Thị O về việc: “Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho các ông bà số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017). Cụ thể: Ông Võ Đức T số tiền là 1.785.000đồng; ông Võ Trọng S số tiền là 1.785.000đồng; bà Ngô Thị O số tiền là 1.785.000đồng”. Qua xem xét, thì thấy:

- Theo hợp đồng số 127/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 giữa ông Võ Đức T với Công ty thì diện tích ông nhận khoán là 1,1955ha.

- Theo hợp đồng số 432/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 giữa ông Võ Trọng S với Công ty thì diện tích ông nhận khoán là 1,09ha.

- Theo hợp đồng số 515/2011/HĐ-GK ngày 27/8/2011 giữa bà Ngô Thị O với Công ty thì diện tích bà nhận khoán 1,686ha.

Tuy nhiên ông T, ông S, bà O chỉ khởi kiện yêu cầu xem xét đối với diện tích 01ha. Đối với diện tích dôi dư thì các ông bà không khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ vào các hợp đồng mà ông T, ông S, bà O đã ký kết với Công ty thì thấy: Tại Điều 1 của các hợp đồng trên có nêu: “1. Bên A khoán gọn vườn cây cà phê cho bên B trực tiếp đầu tư, chăm sóc, bảo vệ, thu hoạch và giao nộp sản phẩm cà phê”. Và tại Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng có nêu “Khi vào vụ tưới nước cho cà phê, Công ty mở nước cho bên B tưới với diện tích tưới mương. Diện tích tưới mương Công ty sẽ thu tiền khấu hao hồ đập kênh mương theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm” (điểm c khoản 2 Điều 2 của hợp đồng) và “Đối với diện tích tưới nước trên hệ thống hồ đập, kênh mương của Công ty thì phải nộp tiền khấu hao hồ đập kênh mương cho bên A theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm” (điểm h khoản 2 Điều 3 của hợp đồng).

Quá trình làm việc tại Tòa án, phía bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T thừa nhận: Công ty có thu sai tiền khấu hao kênh mương phần 51% mà Công ty đã thu của ông T, ông S, bà O từ năm 2011 đến năm 2017 (tổng 07 năm). Và tùy vào diện tích nhận khoán của từng hộ nhận khoán theo hợp đồng ký kết giữa các bên là khác nhau nên Công ty đã thu tiền khấu hao kênh mương phần 51% của các ông bà là khác nhau và ông T, ông S, bà O cũng đồng ý với số tiền mà Công ty đã thu sai. Ông T, ông S, bà O chỉ yêu cầu Công ty trả số tiền khấu hao kênh mương phần 51% của các ông bà cho diện tích 01ha là 255.000đồng/ha/năm. Cụ thể:

+ Đối với ông Võ Đức T: Từ năm 2011 đến năm 2017, Công ty đã thu sai tiền khấu hao kênh mương của ông tổng số tiền là 2.133.971đồng. Do diện tích cà phê

ông T nhận khoán của Công ty là 1,1955ha nên số tiền mà Công ty đã thu sai của ông T bình quân một năm là: 304.853đồng.

Vào ngày 06 tháng 5 năm 2019, Công ty đã tiến hành chi trả lại số tiền Công ty đã thu sai cho ông T thông qua đội trưởng đội sản xuất 15/1 nhưng ông chưa nhận và ông cũng không nêu rõ lý do vì sao chưa nhận. Việc Công ty chi trả số tiền trên cho ông T được thực hiện theo Thông báo số 72/TB-Cty ngày 24/4/2019 của Công ty TNHH MTV cà phê T + Công văn số 2832/UBND-KT ngày 11 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thanh toán lại khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập của Công ty TNHH MTV cà phê T + Tờ trình số 22/TTr-CTTNHH ngày 12/02/2019 của Công ty TNHH MTV cà phê T và theo phiếu chi đề ngày 06/5/2019.

Và đến trước ngày Tòa án mở phiên tòa thì Công ty cũng đã chi trả lần hai cho ông theo phiếu chi đề ngày 04/11/2020 và thông báo số 714 ngày 07/11/2020 của Công ty nhưng ông vẫn không nhận.

+ Đối với ông Võ Trọng S: Từ năm 2011 đến năm 2017, Công ty đã thu sai tiền khấu hao kênh mương của ông tổng số tiền là: 1.945.650đồng. Do diện tích cà phê ông S nhận khoán của Công ty là 1,09ha nên số tiền mà Công ty đã thu sai của ông S bình quân một năm là: 277.950đồng.

Vào ngày 06 tháng 5 năm 2019, Công ty đã tiến hành chi trả lại số tiền Công ty đã thu sai cho ông thông qua đội trưởng đội sản xuất 17/2 nhưng ông chưa nhận và ông cũng không nêu rõ lý do vì sao chưa nhận. Việc Công ty chi trả số tiền trên cho ông S được thực hiện theo Thông báo số 72/TB-Cty ngày 24/4/2019 của Công ty TNHH MTV cà phê T + Công văn số 2832/UBND-KT ngày 11 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thanh toán lại khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập của Công ty TNHH MTV cà phê T + Tờ trình số 22/TTr-CTTNHH ngày 12/02/2019 của Công ty TNHH MTV cà phê T và theo phiếu chi đề ngày 06/5/2019.

Và đến trước ngày Tòa án mở phiên tòa thì Công ty cũng đã chi trả lần hai cho ông theo phiếu chi đề ngày 04/11/2020 và thông báo số 714 ngày 07/11/2020 của Công ty nhưng ông vẫn không nhận.

+ Đối với bà Ngô Thị O: Từ năm 2011 đến năm 2017 Công ty đã thu sai tiền khấu hao kênh mương của bà tổng số tiền là: 3.006.010đồng. Do diện tích cà phê bà O nhận khoán của Công ty là 1,686ha nên số tiền mà Công ty đã thu sai của bà bình quân một năm là: 429.930đồng.

Vào ngày 06 tháng 5 năm 2019, Công ty đã tiến hành chi trả lại số tiền Công ty đã thu sai cho bà thông qua đội trưởng đội sản xuất 17/3 nhưng bà chưa nhận và bà cũng không nêu rõ lý do vì sao chưa nhận. Việc Công ty chi trả số tiền trên cho bà O được thực hiện theo Thông báo số 72/TB-Cty ngày 24/4/2019 của Công ty TNHH MTV cà phê T + Công văn số 2832/UBND-KT ngày 11 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thanh toán lại khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập của Công ty TNHH MTV cà phê T + Tờ trình số 22/TTr-CTTNHH ngày 12/02/2019 của Công ty TNHH MTV cà phê T và theo phiếu chi đề ngày 06/5/2019.

Và đến trước ngày Tòa án mở phiên tòa thì Công ty cũng đã chi trả lần hai cho bà theo phiếu chi đề ngày 04/11/2020 và thông báo số 714 ngày 07/11/2020 của Công ty nhưng bà vẫn không nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn ông T, ông S, bà O thừa nhận Công ty đã tiến hành chi trả số tiền Công ty đã thu sai của các ông bà cho các ông bà nhưng



các ông bà không nhận với lý do Công ty làm sai và hiện đang được các ông bà khởi kiện tại Tòa án. Các nguyên đơn cũng thừa nhận, trước ngày Tòa án mở phiên tòa, Công ty cũng đã tiến hành chi trả lần hai cho các ông bà nhưng do vụ án đang được Tòa án giải quyết nên các ông bà không chấp nhận việc chi trả trên và để cho Tòa án phán quyết bằng bản án. Các ông bà chấp nhận việc nhận lại tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc. Căn cứ lời thừa nhận của các đương sự thì thấy việc khởi kiện của nguyên đơn về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho các ông bà số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông T, ông S, bà O.

Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên. Căn cứ theo quy định tại các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503 và 506 của Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các Nông trường quốc doanh, Lâm trường quốc doanh; Luật đất đai năm 2003. Hội đồng xét xử thấy chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011 đến năm 2017) của các nguyên đơn ông Võ Đức T, ông Võ Trọng S, bà Ngô Thị O. Cụ thể:

- Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông Võ Đức T số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương của ông cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) là 1.785.000đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông Võ Trọng S số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương của ông cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) là 1.785.000đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho bà Ngô Thị O số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương của bà cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) là 1.785.000đồng.

\* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các nguyên đơn ông Võ Đức T, ông Võ Trọng S và bà Ngô Thị O xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

- Ông Võ Đức T xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của ông về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông tổng số tiền 114.573.753,2đồng;

- Ông Võ Trọng S xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của ông về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông tổng số tiền 114.573.753,2đồng;

- Bà Ngô Thị O xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của bà về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho bà tổng số tiền 114.573.753,2đồng.

Các nguyên đơn ông T, ông S và bà O không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho các ông bà số tiền này nữa. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, ông S, bà O là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, 218, 219, 244 BLTTDS. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức T đối với tổng số tiền 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy*

trăm năm mươi ba phẩy hai đồng); Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trọng S đối với tổng số tiền 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*); Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị O đối với tổng số tiền 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Ông Võ Đức T, ông Võ Trọng S, bà Ngô Thị O được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đức T nên bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T) phải chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trọng S nên bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T) phải chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị O nên bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T) phải chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Tổng cộng: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T phải chịu là 900.000đồng (*Chín trăm nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn ông Võ Đức T số tiền 2.908.000đồng (*Hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn*) tiền tạm ứng án phí mà ông Võ Đức T đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0014415 ngày 29/7/2020.

- Hoàn trả cho nguyên đơn ông Võ Trọng S số tiền 2.908.000đồng (*Hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn*) tiền tạm ứng án phí mà ông Võ Trọng S đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0015793 ngày 05/8/2020.

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Ngô Thị O số tiền 2.908.000đồng (*Hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn*) tiền tạm ứng án phí mà bà Ngô Thị O đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0015795 ngày 05/8/2020.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của

Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003.

- Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đức T:**

**1.1** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức T về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) với số tiền là 1.785.000đồng (*Một triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

**1.2** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức T đối với tổng số tiền 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Ông Võ Đức T được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

##### **2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trọng S:**

**2.1** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trọng S về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) với số tiền là 1.785.000đồng (*Một triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

**2.2** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Trọng S đối với tổng số tiền 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Ông Võ Trọng S được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

##### **3. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị O:**

**3.1** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị O về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê T phải trả lại cho bà số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 01ha (từ năm 2011-2017) với số tiền là 1.785.000đồng (*Một triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

**3.2** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị O đối với tổng số tiền 114.573.753,2đồng (*Một trăm mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi ba phẩy hai đồng*).

Bà Ngô Thị O được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

##### **4. Về án phí:**

- Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T) phải chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đức T.

- Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T) phải chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Trọng S.

- Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T (Trước đây là Công ty TNHH MTV cà phê T) phải chịu 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị O.

Tổng cộng: Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê T phải chịu là 900.000đồng (*Chín trăm nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn ông Võ Đức T số tiền 2.908.000đồng (*Hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn*) tiền tạm ứng án phí mà ông Võ Đức T đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0014415 ngày 29/7/2020.

- Hoàn trả cho nguyên đơn ông Võ Trọng S số tiền 2.908.000đồng (*Hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn*) tiền tạm ứng án phí mà ông Võ Trọng S đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0015793 ngày 05/8/2020.

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Ngô Thị O số tiền 2.908.000đồng (*Hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn*) tiền tạm ứng án phí mà bà Ngô Thị O đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2019/0015795 ngày 05/8/2020.

**5. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Phan Thị Dương Thanh**